

**BÁO CÁO**  
**Kết quả thống kê đất đai năm 2023**  
**huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp**

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Thực hiện Công văn số 4789/STNMT-QLĐĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2023 và chuẩn bị kiểm kê đất đai năm 2024.

Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2023 huyện Tháp Mười như sau:

**I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG**

**1. Điều kiện tự nhiên**

Huyện Tháp Mười nằm phía Đông tỉnh Đồng Tháp, cách thành phố Cao Lãnh 32 km, có tổng diện tích đất của đơn vị hành chính là 53.385,5 ha; gồm 12 xã và 01 thị trấn. Huyện Tháp Mười có tuyến đường N2, đường Hồ Chí Minh và Tỉnh lộ ĐT.845; ĐT.846; ĐT.850; ĐT.856; ĐT.857 và đường Võ Văn Kiệt (ĐT.844), là những trục đường chính có vị trí rất thuận lợi trong việc giao lưu hàng hóa cùng với các tỉnh, thành phố như: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Long An.

**2. Vị trí địa lý**

- Phía Bắc giáp: Huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.
- Phía Nam giáp: Huyện Cao Lãnh và huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Phía Đông giáp: Huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An và huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Phía Tây giáp: Huyện Cao Lãnh và huyện Tam Nông.

**II. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH SỐ LIỆU THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI**

**1. Nguồn số liệu hiện có**

- Số liệu quản lý, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi nhận trên các loại tài liệu: Sổ mục kê, sổ địa chính, sổ đăng ký biến động đất đai, số liệu trên cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính.

- Số liệu đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và hồ sơ địa chính theo bản đồ địa chính chính quy.
- Kết quả kiểm kê đất đai năm 2019.
- Kết quả thống kê đất đai năm 2022.
- Các tài liệu khác có liên quan.

## **2. Các nguồn tư liệu khác**

- Các hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với khu đất đang quản lý, sử dụng của các tổ chức;
- Các quyết định giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với khu đất đang quản lý, sử dụng của hộ gia đình, cá nhân;
- Hồ sơ đăng ký biến động, hồ sơ thanh tra, hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai, biên bản kiểm tra sử dụng đất đã lập ở các cấp trong kỳ thống kê có liên quan đến tình hình sử dụng đất trên thực tế tại thời điểm thống kê.

## **3. Phân tích độ tin cậy của các nguồn số liệu hiện có**

### **a) Kết quả kiểm kê đất đai năm 2019**

Kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 của tỉnh Đồng Tháp đã được thực hiện ở tất cả 143 đơn vị cấp xã; 12 đơn vị cấp huyện và đơn vị cấp tỉnh. Trong đó lấy cấp xã làm đơn vị cơ bản thực hiện kiểm kê, xây dựng hồ sơ gốc về số liệu diện tích đất đai làm cơ sở tổng hợp xây dựng hồ sơ, số liệu diện tích đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh.

Diện tích, cơ cấu theo mục đích của các đối tượng sử dụng đất: hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức trong nước; tổ chức nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo. Cơ cấu, diện tích theo mục đích của các đối tượng quản lý đất: Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức phát triển quỹ đất; cộng đồng dân cư và tổ chức khác trong kỳ kiểm kê đã được thống kê chi tiết cho 03 loại đất chính theo quy định của Luật Đất đai năm 2013: đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng.

### **b) Kết quả thống kê đất đai năm 2022**

Báo cáo, số liệu thống kê diện tích đất đai năm 2022 đã rà soát, thống kê theo các mục đích và đối tượng sử dụng toàn bộ diện tích đất đai trong địa giới hành chính từ cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh và cả nước theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT. Thành lập được bộ số liệu về đất đai cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh, các vùng kinh tế và cả nước. Đánh giá, xác định nguyên nhân biến động sử dụng đất trong năm.

### **c) Đánh giá nguồn tư liệu**

- Các nguồn số liệu từ hồ sơ địa chính được cập nhật, chỉnh lý biến động thường xuyên, kịp thời. Do đó việc thu thập, tổng hợp các số liệu biến động được thuận lợi và chính xác.

- Kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 và kết quả thống kê đất đai năm 2022 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, bộ số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 được tổng hợp trên phần mềm TK desktop để phục vụ cho việc thực hiện thống kê đất đai năm 2023, do đó tính chính xác và độ tin cậy rất cao.

#### **4. Phương pháp xác định số liệu**

Số liệu thống kê đất đai được thực hiện trên cơ sở tổng hợp các trường hợp biến động về sử dụng đất từ các nguồn tài liệu trên trong năm thống kê đến từng đơn vị hành chính cấp xã, phải được cập nhật vào bảng liệt kê danh sách các trường hợp biến động vào mẫu bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê đất đai của từng xã, phường bổ sung toàn bộ các biến động sử dụng đất (như biến động ranh, biến động loại đất,...) để tổng hợp số liệu.

Tổng hợp số liệu thống kê đất đai ở các cấp, được tính toán và thực hiện trên phần mềm TK desktop để cho ra bộ số liệu.

Số liệu tổng hợp phải phù hợp đúng theo quy trình, quy phạm của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### **5. Các phương tiện, công nghệ hỗ trợ**

- Phần mềm MicroStation, Famis để lập vẽ các khoanh đất biến động và tính diện tích các khoanh đất đó; lồng ghép với bản đồ khoanh đất kỳ trước, gán và xuất dữ liệu cần thiết cho việc chu chuyển loại đất.

- Phần mềm thống kê, kiểm kê đất đai, TK desktop do Bộ Tài nguyên cung cấp để thống kê tổng hợp theo yêu cầu của Bộ.

- Bộ Microsoft Office.

- Và một số ứng dụng khác khi cần thiết.

- Trang thiết bị chính gồm: Máy tính xách tay: 7; máy để bàn: 12; máy in A3: 1; máy in A4: 2; máy photocopy: 2; tất cả các máy hiện đang hoạt động tốt, đảm bảo yêu cầu công tác.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Thời gian thực hiện**

##### **a) Công tác chuẩn bị**

Tháng 12/2023:

- Xây dựng phương án thống kê đất đai định kỳ năm 2023;
- Lập dự toán kinh phí thống kê đất đai năm 2023;
- Xây dựng kế hoạch thực hiện thống kê đất đai năm 2023;
- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho tất cả cán bộ cấp xã và các lực lượng tham gia thực hiện thống kê đất đai;
- Chuẩn bị vật tư tài liệu, biểu mẫu phục vụ thống kê đất đai năm 2023.

## **b) Thời gian thực hiện và hoàn thành ở các cấp**

- Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện; hoàn thành và nộp báo cáo kết quả lên Ủy ban nhân dân cấp huyện: từ ngày 15/11/2023 đến trước ngày 16/01/2024;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thành và nộp báo cáo kết quả lên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: đến trước ngày 01/02/2024;
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thành và nộp báo cáo kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường: đến trước ngày 16/02/2024.

## **2. Lực lượng tham gia**

- Công chức địa chính xã, thị trấn.
- Cán bộ, công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường.
- Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.
- Viên chức thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh.

## **IV. KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI**

### **1. Kết quả thống kê**

#### **a) Tổng hợp số liệu**

<b>Số TT</b>	<b>Phân Loại</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Cơ cấu (%)</b>
1	Diện tích đất nông nghiệp	46.561,6	87,2
2	Diện tích đất phi nông nghiệp	6.823,9	12,8
<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>53.385,5</b>	<b>100</b>

#### **b) Biểu số liệu thống kê đất đai năm 2023 huyện Tháp Mười gồm**

- Biểu 01/TKĐĐ: Thống kê, kiểm kê định kỳ diện tích đất đai;
- Biểu 02/TKĐĐ: Thống kê, kiểm kê định kỳ diện tích đất nông nghiệp;
- Biểu 03/TKĐĐ: Thống kê, kiểm kê định kỳ diện tích đất phi nông nghiệp;
- Biểu 04/TKĐĐ: Thống kê, kiểm kê định kỳ diện tích đất phân theo từng đơn vị hành chính;
- Biểu 05/TKĐĐ: Thống kê, kiểm kê định kỳ diện tích đất đã được giao, được thuê, được chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện;
- Biểu 11/TKĐĐ: Thống kê, kiểm kê định kỳ diện tích đất đô thị;
- Biểu 12/TKĐĐ: Phân tích nguyên nhân tăng, giảm diện tích của các loại đất;
- Biểu 13/TKĐĐ: Cơ cấu diện tích theo mục đích sử dụng đất và đối tượng sử dụng, quản lý đất;
- Biểu 14/TKĐĐ: Biến động diện tích theo mục đích sử dụng đất;
- Biểu 15/TKĐĐ: So sánh hiện trạng sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất.

## 2. Thuyết minh số liệu

### a. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất theo các chỉ tiêu thống kê

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 huyện Tháp Mười với tổng diện tích tự nhiên 53.385,5 ha, chiếm 15,8% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Trong đó: đất nông nghiệp với diện tích là 46.561,6 ha; đất phi nông nghiệp với diện tích là 6.823,9 ha.

#### - Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp:

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 diện tích đất nông nghiệp là 46.561,6 ha, chiếm 87,2% diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong đó: Chủ yếu do hộ gia đình, cá nhân sử dụng để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác là 45.716,4 ha; Tổ chức trong nước sử dụng là 60,7 ha; Cộng đồng dân cư và Cơ sở tôn giáo sử dụng là 9,9 ha; Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý 733,2 ha; Tổ chức phát triển quỹ đất quản lý 41,5 ha.

#### - Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp:

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 diện tích đất phi nông nghiệp là 6.823,9 ha, chiếm 12,8% diện tích đất tự nhiên toàn huyện. Trong đó: Hộ gia đình, cá nhân sử dụng 1.971,2 ha; Tổ chức trong nước sử dụng 308,7 ha; Cộng đồng dân cư và Cơ sở tôn giáo sử dụng 24,7 ha; Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý là 2.700,6 ha; Tổ chức phát triển quỹ đất quản lý 150,5 ha; Cộng đồng dân cư và Tổ chức khác quản lý 1.668,1 ha.

#### - Hiện trạng sử dụng đất chưa sử dụng:

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 trên địa bàn huyện Tháp Mười không còn đất chưa sử dụng.

### b. Đánh giá tình hình biến động và phân tích nguyên nhân biến động về sử dụng đất so với kỳ kiểm kê năm 2019 và thống kê năm 2022

Số TT	Mục đích sử dụng	Diện tích năm 2023	So với kiểm kê 2019		So với thống kê 2022		Ghi chú
			Diện tích năm 2019	Tăng (+) Giảm (-)	Diện tích năm 2022	Tăng (+) Giảm (-)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)	(7)=(3)-(6)	(8)
	<b>Diện tích tự nhiên</b>	<b>53.385,5</b>	<b>53.385,5</b>	<b>0,0</b>	<b>53.385,5</b>	<b>0,0</b>	
1	Đất nông nghiệp	46.561,6	46.602,6	-40,9	46.571,2	-9,5	
2	Đất phi nông nghiệp	6.823,9	6.783,0	40,9	6.814,4	9,5	
3	Đất chưa sử dụng	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	

#### \* Biến động diện tích đất tự nhiên:

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 diện tích đất tự nhiên của huyện Tháp Mười là 53.385,5 ha; không thay đổi so với kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 và không thay đổi so với thống kê đất đai năm 2022.

**\* Biến động diện tích đất nông nghiệp:**

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 diện tích đất nông nghiệp là 46.561,6 ha, giảm 40,9 ha so với kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 và giảm 9,5 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Nguyên nhân do chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp để xây dựng các công trình trọng điểm nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**\* Biến động diện tích đất phi nông nghiệp:**

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 diện tích đất phi nông nghiệp là 6.823,9 ha, tăng 40,9 ha so với kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 và tăng 9,5 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Nguyên nhân do nhận từ đất nông nghiệp chuyển sang như nhận từ đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất và đất nuôi trồng thủy sản.

**\* Biến động diện tích đất chưa sử dụng:**

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 trên địa bàn huyện Tháp Mười không còn diện tích đất chưa sử dụng.

**c. So sánh hiện trạng sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất của năm thống kê**

Tổng diện tích đất tự nhiên của huyện Tháp Mười theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 là 53.385,5 ha, không biến động so với diện tích theo kế hoạch sử dụng đất đến năm thống kê.

- Diện tích đất nông nghiệp theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 là 46.561,6 ha, so với diện tích theo kế hoạch sử dụng đất đến năm thống kê là 46.438,3 ha, tăng 123,3 ha. Trong đó:

+ Diện tích đất sản xuất nông nghiệp theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 là 43.754,6 ha, so với diện tích theo kế hoạch sử dụng đất đến năm thống kê là 43.637,9 ha, tăng 116,8 ha.

+ Diện tích đất lâm nghiệp theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 là 2.046,2 ha, so với diện tích theo kế hoạch sử dụng đất đến năm thống kê là 2.038,4 ha, tăng 7,8 ha.

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 là 747,0 ha, so với diện tích theo kế hoạch sử dụng đất đến năm thống kê là 745,5 ha, tăng 1,5 ha.

+ Diện tích đất nông nghiệp khác theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 là 13,8 ha, so với diện tích theo kế hoạch sử dụng đất đến năm thống kê là 16,5 ha, giảm 2,7 ha.

- Diện tích đất phi nông nghiệp theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 là 6.823,9 ha, so với diện tích theo kế hoạch sử dụng đất đến năm thống kê là 6.947,3 ha, giảm 123,3 ha. Trong đó:

+ Diện tích đất ở theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 là 1.960,6 ha, so với diện tích theo kế hoạch sử dụng đất đến năm thống kê là 1.968,4 ha, giảm 7,8 ha.

+ Diện tích đất chuyên dùng theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 là 3.428,4 ha, so với diện tích theo kế hoạch sử dụng đất đến năm thống kê là 3.543,6 ha, giảm 115,2 ha.

+ Diện tích đất cơ sở tôn giáo theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 là 21,2 ha, không biến động so với diện tích theo kế hoạch sử dụng đất đến năm thống kê.

+ Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 là 3,5 ha, không biến động so với diện tích theo kế hoạch sử dụng đất đến năm thống kê.

+ Diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 là 8,3 ha, không biến động so với diện tích theo kế hoạch sử dụng đất đến năm thống kê.

+ Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 là 1.361,7 ha, so với diện tích theo kế hoạch sử dụng đất đến năm thống kê là 1.362,0 ha, giảm 0,3 ha.

+ Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 là 40,3 ha, không biến động so với diện tích theo kế hoạch sử dụng đất đến năm thống kê.

#### **d. Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất trong năm thống kê đất đai**

Việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong năm thống kê đất đai 2023 đối với huyện Tháp Mười cụ thể như sau.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang các loại đất: đất trồng cây lâu năm 1,2 ha; đất nông nghiệp khác 12,2 ha; đất ở tại nông thôn 0,7 ha; đất ở tại đô thị 0,2 ha; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 1,3 ha; đất có mục đích công cộng 1,6 ha.

- Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất ở tại đô thị 0,2 ha.

- Chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang các loại đất: đất ở tại nông thôn 1,8 ha; đất ở tại đô thị 0,1 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,2 ha; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,6 ha.

- Chuyển từ đất rừng sản xuất sang đất ở tại nông thôn 0,1 ha và đất có mục đích công cộng 1,5 ha.

- Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản đất ở tại nông thôn 0,3 ha và đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 1,0 ha.

- Chuyển từ đất ở tại nông thôn sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,1 ha.

- Chuyển từ đất có mục đích công cộng sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 22,8 ha.

### **e. Tình hình giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện**

Các đối tượng được giao đất, được thuê đất đều sử dụng đất đúng mục đích đất được giao, được thuê. Tuy nhiên, theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 trên địa bàn huyện Tháp Mười vẫn còn trường hợp chưa triển khai thực hiện là:

+ Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Láng Biển (Lò sấy lúa, nhà kho sàng lọc giống), diện tích 0,3 ha thuộc xã Láng Biển;

+ Công ty TNHH Dịch Vụ TMSX Mỹ Yên (Dự án Nhà máy sấy, xay xát và lau bóng gạo Mỹ Yên), diện tích 2,5 ha thuộc xã Trường Xuân.

### **g. Tình hình tranh chấp địa giới hành chính**

Trên địa bàn huyện Tháp Mười sử dụng đất ổn định, không xảy ra tranh chấp địa giới hành chính.

### **3. Tình hình quản lý đất của Ủy ban nhân dân cấp xã**

Theo kết quả thống kê tính đến thời điểm hiện tại trên địa bàn huyện có 3.433,8 ha diện tích đất do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý. Trong đó: đất trồng cây hàng năm 3,3 ha; đất trồng cây lâu năm 23,8 ha; đất rừng sản xuất 674,0 ha; đất nuôi trồng thủy sản 32,1 ha; đất ở tại nông thôn 8,4 ha; đất ở tại đô thị 0,3 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,6 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 2,8 ha (gồm đất xây dựng cơ sở văn hóa và đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao); đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 1,4 ha (gồm đất thương mại, dịch vụ và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp); đất có mục đích công cộng 2.538,9 ha (gồm đất giao thông, đất thủy lợi, đất sinh hoạt cộng đồng, đất khu vui chơi giải trí công cộng, đất chợ và đất bãi thải, xử lý chất thải); đất làm nghĩa trang, nghĩa địa 1,7 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 106,2 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 40,3 ha.

### **4. Đánh giá chung về tình hình quản lý, sử dụng đất**

Nhìn chung công tác quản lý, sử dụng đất của các tổ chức; hộ gia đình, cá nhân trong năm thống kê thực hiện đúng theo quy định của pháp luật đất đai.

### **5. Tình hình quản lý sử dụng đất trồng lúa**

Tính đến thời điểm thống kê đất đai năm 2023 diện tích đất trồng lúa trên địa bàn huyện là 39.870,8 ha; giảm 35,1 ha so với kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 và giảm 17,2 ha so với thống kê đất đai năm 2022. Diện tích đất trồng lúa giảm do chuyển sang đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp khác, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp và đất có mục đích công cộng.

Việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất lúa sang các loại đất khác đều phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các trường hợp chuyển mục đích không phù hợp với quy hoạch, chuyển mục đích trái phép huyện chỉ đạo cơ quan Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.



Diện tích đất trồng lúa của huyện Tháp Mười theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt là 39.771,1 ha. Theo số liệu hiện trạng đất trồng lúa thực tế đến thời điểm thống kê đất đai năm 2023 diện tích là 39.870,8 ha, tăng 99,7 ha so với kế hoạch được duyệt. Như vậy, trên địa bàn huyện đảm bảo đủ diện tích đất chuyên trồng lúa nước theo chỉ tiêu của cấp trên phân bổ, ổn định an ninh lương thực, đồng thời đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## **6. Về đất chưa sử dụng**

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2023 trên địa bàn huyện Tháp Mười không còn đất chưa sử dụng.

## **VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận về độ chính xác của số liệu**

Số liệu thống kê đất đai năm 2023 trên địa bàn huyện Tháp Mười được xác lập đúng với hiện trạng sử dụng đất và hồ sơ địa giới hành chính. Được sử dụng nguồn tài liệu có độ chính xác cao cùng với sự hỗ trợ rất lớn về các giải pháp công nghệ kỹ thuật. Có sự giám sát, kiểm tra thường xuyên của Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện nên khẳng định bộ số liệu thống kê đất đai năm 2023 của huyện Tháp Mười đạt được tất cả các yêu cầu đề ra, đáp ứng tốt cho mục đích quản lý đất đai, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, đủ điều kiện để công bố và đưa vào sử dụng.

### **2. Kiến nghị biện pháp tăng cường quản lý, sử dụng đất trong thời gian tới**

#### **a) Về quản lý đất chuyên trồng lúa nước**

- Để đảm bảo đúng chỉ tiêu diện tích đất trồng lúa nước như cấp trên đã phân bổ thì trên địa bàn huyện đến thời điểm thống kê là đạt yêu cầu. Tuy nhiên, huyện vẫn tiếp tục đưa chỉ tiêu này vào công tác lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

- Tổ chức quản lý chặt diện tích đất trồng lúa; xử lý nghiêm các trường hợp tự ý chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang sử dụng vào các mục đích khác.

- Quản lý tốt đất công ích và quỹ đất nông nghiệp do huyện quản lý.

- Cấm ranh giới, mốc giới chi tiết từng khu vực đất công để có hướng quản lý thật chặt, không để dân tự ý chiếm dụng, hạn chế xảy ra tình trạng khiếu kiện.

#### **b) Việc chuyển mục đích sử dụng trái pháp luật**

Việc chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất trái quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tiến hành rà soát kiểm tra và có hướng xử lý theo quy định của pháp luật hoặc kiến nghị các cơ quan

Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định như giải quyết dứt điểm đảm bảo định hướng phù hợp quy hoạch chung của địa phương.

**c) Về quản lý đất công**

Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn nơi có diện tích đất công tiến hành rà soát đo đạc, cắm mốc và lập hồ sơ địa chính để quản lý tốt, thường xuyên báo cáo về Ủy ban nhân dân huyện để xem xét giao đất, cho thuê đất (khi có yêu cầu của người sử dụng đất) đúng theo quy định.

**d) Về xử lý đất đã có quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện**

Tăng cường công tác thanh tra giám sát, xử phạt nghiêm theo đúng quy định của Luật Đất đai đối với các trường hợp vi phạm.

**e) Đẩy nhanh công tác cấp, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**

Lập kế hoạch và thực hiện thường xuyên việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai dưới nhiều hình thức (đài phát thanh của huyện, xã) để người dân nhận thức được trách nhiệm trong việc đăng ký đất đai, quyền lợi khi được cấp, đổi giấy chứng nhận và tự giác làm thủ tục cấp giấy chứng nhận, thủ tục về biến động đất đai theo quy định của pháp luật đất đai.

Trên đây là báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2023 trên địa bàn huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Phòng TN&MT huyện;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NC (Quang).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Đoàn Thanh Bình**

# MỤC LỤC

<b>I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG.....</b>	<b>1</b>
1. Điều kiện tự nhiên .....	1
2. Vị trí địa lý.....	1
<b>II. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH SỐ LIỆU THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI.....</b>	<b>1</b>
1. Nguồn số liệu hiện có .....	1
2. Các nguồn tư liệu khác .....	2
3. Phân tích độ tin cậy của các nguồn số liệu hiện có .....	2
4. Phương pháp xác định số liệu.....	3
5. Các phương tiện, công nghệ hỗ trợ.....	3
<b>III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....</b>	<b>3</b>
1. Thời gian thực hiện.....	3
2. Lực lượng tham gia .....	4
<b>IV. KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI .....</b>	<b>4</b>
1. Kết quả thống kê.....	4
2. Thuyết minh số liệu .....	5
a. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất theo các chỉ tiêu thống kê .....	5
b. Đánh giá tình hình biến động và phân tích nguyên nhân biến động về sử dụng đất so với kỳ kiểm kê năm 2019 và thống kê năm 2022 .....	5
c. So sánh hiện trạng sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất của năm thống kê .....	6
d. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất trong năm thống kê đất đai .....	7
e. Tình hình giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện .....	7
g. Tình hình tranh chấp địa giới hành chính.....	8
3. Tình hình quản lý đất của Ủy ban nhân dân cấp xã.....	8
4. Đánh giá chung về tình hình quản lý, sử dụng đất .....	8
5. Tình hình quản lý sử dụng đất trồng lúa.....	8
6. Về đất chưa sử dụng .....	9
<b>VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>9</b>
1. Kết luận về độ chính xác của số liệu .....	9
2. Kiến nghị biện pháp tăng cường quản lý, sử dụng đất trong thời gian tới.....	9